

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/11/2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Thuần

Bà Trần Thúy Nga

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ - kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm: 1998.

HKTT: Số 126, tổ 3, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Lê Quốc T**, sinh năm: 1987.

HKTT: Số 126, tổ 3, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N, anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tìm hiểu yêu thương nhau, đã tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2016. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2016 ngày 05/10/2016. Trong thời gian chung sống đã phát sinh mâu thuẫn không còn hòa hợp

nên chị đã sống ly thân với anh T. Nay tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn phai nhạt nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Lê Thiên P, sinh ngày 14/10/2016. Khi ly hôn chị tự nguyện giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt trong các buổi làm việc, các phiên họp và hòa giải cũng như xét xử.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2016. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2016 ngày 05/10/2016. Hiện tại anh chị đã sống ly thân. Nay chị N xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Lê Thiên P, sinh ngày 14/10/2016. Khi ly hôn chị N tự nguyện giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đồng ý và không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt trong các buổi làm việc, các phiên họp và hòa giải cũng như xét xử.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị N và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có, anh T cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Đề nghị cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung chưa thành niên là Lê Thiên P, sinh ngày 14/10/2016. Cháu P hiện ở cùng anh T và anh T chăm sóc cho cháu rất

tốt. Chị N cũng đồng ý giao con cho anh T. Vì vậy giao cháu Lê Thiên P, sinh ngày 14/10/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N, anh T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N và bị đơn anh Lê Quốc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lê Quốc T có đăng ký thường trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lê Quốc T đăng ký kết hôn năm 2016 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2016. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2016 ngày 05/10/2016. Như vậy hôn nhân của anh T và chị N được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim N: Chị N xin ly hôn do vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, gia đình mất đi hạnh phúc nguyên nhân là do không hòa hợp trong tính tình, cách sống và đã sống ly thân. Căn cứ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy chị N và anh T không còn sống chung với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị N. Các đương sự xin vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các đương sự được. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Kim N có 01 con chung chưa thành niên là Lê Thiên P, sinh ngày 14/10/2016, hiện nay đang ở với anh T. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N đồng ý giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Luật hôn nhân và gia đình quy định: Việc giao con chung cho một bên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con. Xét sự thỏa thuận của chị N và anh T về việc nuôi con là hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên. Vì vậy, giao con chung chưa thành niên là Lê Thiên P, sinh ngày 14/10/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị N anh T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N. Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Lê Quốc T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Lê Thiên P, sinh ngày 14/10/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Tạm thời chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị N anh T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp theo biên lai số 0005628 ngày

06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N, bị đơn anh Lê Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND Thị trấn Đ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHAN THANH HÀ